

CÔNG TY CỔ PHẦN  
HALCOM VIỆT NAM  
HALCOM VIETNAM JOINT  
STOCK COMPANY

Số/ No. 110/2025/CV/HAL-BQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025  
Hanoi, dated April 29, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.  
To: The State Securities Commission;  
The Stock Exchange of Ho Chi Minh city.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Name of organization: HALCOM VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock Symbol: HID

- Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Address: Floor No.09, Hoa Binh Tower, No.106 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Cau Giay district, Hanoi city

- Điện thoại liên hệ/ Telephone: 024 3562 4709

- Email: info@halcom.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure: Báo cáo tài chính riêng Quý IV năm tài chính 2024 của Công ty CP Halcom Việt Nam – Bản Tiếng Việt / Separate financial statements for the fourth quarter of fiscal year 2024 of Halcom Vietnam Joint Stock Company - Vietnamese version

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/04/2025 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

This information was published on the company's website on 29/04/2025, as in the link <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

*Tài liệu đính kèm/ Attached documents:  
Báo cáo tài chính riêng Quý IV năm  
tài chính 2024 – Bản Tiếng Việt/  
Separate financial statements for the  
fourth quarter of fiscal year 2024 –  
Vietnamese version*

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/  
Party authorized to disclose information**



**Nguyễn Thu Trang/  
Nguyen Thu Trang**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**QUÝ IV NĂM TÀI CHÍNH 2024**

Tháng 04 năm 2025

## **MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>               | <b><u>TRANG</u></b> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH            | 2 - 3               |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 4 - 5               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 7 - 8               |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 9 - 42              |

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                       |              |
|-----------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Quang Huân | Chủ tịch     |
| Ông Nguyễn Việt Dũng  | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Văn Lâm    | Thành viên   |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

|                     |                     |                             |
|---------------------|---------------------|-----------------------------|
| Ông Phạm Minh Tuấn  | Phó Tổng Giám đốc   | Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2024 |
| Ông Đỗ Tiến Anh     | Quyền Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 21/04/2025 |
| Bà Hà Thị Thu Hương | Phó Tổng Giám đốc   | Bổ nhiệm từ ngày 09/04/2025 |

#### **Ban Kiểm soát**

|                         |            |                               |
|-------------------------|------------|-------------------------------|
| Bà Bùi Thị Xuyến        | Trưởng ban | Bổ nhiệm từ ngày 07/10/2024   |
| Bà Trần Thị Minh Huệ    | Thành viên | Bổ nhiệm từ ngày 26/09/2024   |
| Ông Nguyễn Đức Quyết    | Thành viên | Bổ nhiệm từ ngày 26/09/2024   |
| Ông Phan Đăng Hoàn      | Trưởng ban | Miễn nhiệm từ ngày 26/09/2024 |
| Bà Trần Bắc Mỹ          | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 26/09/2024 |
| Ông Nguyễn Trường Giang | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 26/09/2024 |

#### **Kế toán trưởng**

|                  |                               |
|------------------|-------------------------------|
| Bà Trần Thị Diệu | Bổ nhiệm từ ngày 23/08/2024   |
| Bà Trần Thị Lan  | Miễn nhiệm từ ngày 23/08/2024 |

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/03/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025 đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Quang Huân

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025



Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31/03/2025

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/03/2025<br>VND      | 01/04/2024<br>VND      |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b> |             | <b>118,499,824,843</b> | <b>266,240,342,089</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền           | 110        | 4           | 4,639,077,796          | 192,431,713            |
| Tiền                                         | 111        |             | 4,639,077,796          | 192,431,713            |
| Các khoản phải thu ngắn hạn                  | 130        |             | 107,458,889,255        | 262,313,904,604        |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131        | 6           | 22,555,850,676         | 129,613,262,298        |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 132        | 7           | 44,909,043,942         | 128,540,619,768        |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                 | 135        |             | -                      | 3,500,000,000          |
| Phải thu ngắn hạn khác                       | 136        | 8           | 40,330,378,527         | 996,406,428            |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137        |             | (336,383,890)          | (336,383,890)          |
| Hàng tồn kho                                 | 140        | 9           | 4,561,775,678          | 3,222,024,352          |
| Hàng tồn kho                                 | 141        |             | 4,561,775,678          | 3,222,024,352          |
| Tài sản ngắn hạn khác                        | 150        |             | 1,840,082,114          | 511,981,420            |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 151        | 11          | 572,273,817            | 195,181,925            |
| Thuế GTGT được khấu trừ                      | 152        |             | 1,267,808,297          | -                      |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 153        | 15          | -                      | 316,799,495            |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>862,574,068,600</b> | <b>595,065,028,715</b> |
| Các khoản phải thu dài hạn                   | 210        |             | 364,401,000            | 40,364,401,000         |
| Phải thu dài hạn khác                        | 216        | 8           | 364,401,000            | 40,364,401,000         |
| Tài sản cố định                              | 220        |             | 1,847,836,868          | 2,307,534,029          |
| Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 12          | 1,847,836,868          | 2,307,534,029          |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 6,320,518,961          | 6,320,518,961          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (4,472,682,093)        | (4,012,984,932)        |
| Tài sản dở dang dài hạn                      | 240        |             | 97,374,133,935         | 42,873,473,291         |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | 10          | 97,374,133,935         | 42,873,473,291         |
| Đầu tư tài chính dài hạn                     | 250        | 5           | 762,365,069,172        | 509,272,896,630        |
| Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | 750,584,357,547        | 489,583,957,547        |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên          | 252        |             | 41,000,000,000         | 41,000,000,000         |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác           | 253        |             | -                      | -                      |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | (29,219,288,375)       | (21,311,060,917)       |
| Tài sản dài hạn khác                         | 260        |             | 622,627,625            | 246,723,765            |
| Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | 11          | 622,627,625            | 246,723,765            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                          | <b>270</b> |             | <b>981,073,893,443</b> | <b>861,305,370,804</b> |

Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

Tại ngày 31/03/2025

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/03/2025             | 01/04/2024             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                 |            |             | VND                    | VND                    |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>190,800,021,850</b> | <b>77,468,440,397</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>115,408,628,860</b> | <b>77,468,440,397</b>  |
| Phải trả người bán ngắn hạn                     | 311        | 13          | 4,271,923,185          | 5,658,349,074          |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn               | 312        | 14          | 1,565,055,859          | 2,017,109,421          |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 313        | 15          | 4,467,979,699          | 4,154,135,570          |
| Phải trả người lao động                         | 314        |             | 2,297,030,754          | 1,793,979,828          |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        | 17          | 780,975,965            | 860,044,458            |
| Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        | 18          | 642,830,224            | 530,661,444            |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | 16          | 99,427,082,893         | 60,372,699,121         |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | 1,955,750,281          | 2,081,461,481          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>75,391,392,990</b>  | -                      |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                | 338        | 16          | 75,391,392,990         | -                      |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>790,273,871,593</b> | <b>783,836,930,407</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>19</b>   | <b>790,273,871,593</b> | <b>783,836,930,407</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                          | 411        |             | 767,650,320,000        | 767,650,320,000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 767,650,320,000        | 767,650,320,000        |
| Thặng dư vốn cổ phần                            | 412        |             | 536,587,297            | 536,587,297            |
| Cổ phiếu quỹ                                    | 415        |             | (58,859,397)           | (58,859,397)           |
| Quỹ đầu tư phát triển                           | 418        |             | 2,040,795,104          | 2,040,795,104          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 421        |             | 20,105,028,589         | 13,668,087,403         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 13,158,087,403         | 11,407,505,954         |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 6,946,941,186          | 2,260,581,449          |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                           | <b>440</b> |             | <b>981,073,893,443</b> | <b>861,305,370,804</b> |

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Tô Thị Minh

Trần Thị Diệu

Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025

| Chỉ tiêu                                      | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2025<br>đến 31/03/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 31/03/2024<br>VND | Từ 01/04/2024<br>đến 31/03/2025<br>VND | Từ 01/04/2023<br>đến 31/03/2024<br>VND |
|-----------------------------------------------|-------|-------------|----------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 01    | 20          | 63,007,367,672                         | 40,309,436,918                         | 243,467,705,570                        | 204,573,959,560                        |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 02    |             | -                                      | -                                      | -                                      | -                                      |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 10    |             | 63,007,367,672                         | 40,309,436,918                         | 243,467,705,570                        | 204,573,959,560                        |
| Giá vốn hàng bán                              | 11    | 21          | 54,133,199,873                         | 28,543,925,947                         | 209,248,307,288                        | 185,689,245,185                        |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20    |             | 8,874,167,799                          | 11,765,510,971                         | 34,219,398,282                         | 18,884,714,375                         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                 | 21    | 22          | 176,670,920                            | 11,569,054,780                         | 1,200,865,252                          | 39,657,673,541                         |
| Chi phí tài chính                             | 22    | 23          | 5,643,469,834                          | 7,120,486,830                          | 15,346,199,611                         | 28,966,758,771                         |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                     | 23    |             | 1,627,665,435                          | 1,067,290,872                          | 5,536,724,951                          | 6,254,526,187                          |
| Chi phí bán hàng                              | 25    |             | -                                      | -                                      | -                                      | -                                      |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 26    |             | 3,268,217,528                          | 573,110,939                            | 11,543,625,006                         | 24,585,336,334                         |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh       | 30    |             | 139,151,357                            | 15,640,967,982                         | 8,530,438,917                          | 4,990,292,811                          |
| Thu nhập khác                                 | 31    | 24          | 2,281                                  | 19,202                                 | 2,612                                  | 56,924,928                             |
| Chi phí khác                                  | 32    | 25          | 26,096,240                             | -                                      | 106,812,218                            | 2,786,636,290                          |
| Lợi nhuận khác                                | 40    |             | (26,093,959)                           | 19,202                                 | (106,809,606)                          | (2,729,711,362)                        |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế             | 50    |             | 113,057,398                            | 15,640,987,184                         | 8,423,629,311                          | 2,260,581,449                          |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                   | 51    | 26          | 22,611,480                             | 591,162,550                            | 1,476,688,125                          | -                                      |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp      | 60    |             | 90,445,918                             | 15,049,824,634                         | 6,946,941,186                          | 2,260,581,449                          |

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025

| Chỉ tiêu                                       | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Năm 2024<br>VND          | Năm 2023<br>VND         |
|------------------------------------------------|-----------|----------------|--------------------------|-------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b> |           |                |                          |                         |
| Lợi nhuận trước thuế                           | 01        |                | 8,423,629,311            | 2,260,581,449           |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                |           |                |                          |                         |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                         | 02        |                | 459,697,161              | 463,963,152             |
| Các khoản dự phòng                             | 03        |                | 10,185,103,653           | 21,311,060,917          |
| Lãi hoạt động đầu tư                           | 05        |                | (1,200,865,252)          | (39,657,673,541)        |
| Chi phí lãi vay                                | 06        |                | 5,536,724,951            | 6,254,526,187           |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>       | <b>08</b> |                | <b>23,404,289,824</b>    | <b>(9,367,541,836)</b>  |
| <b>trước thay đổi vốn lưu động</b>             |           |                |                          |                         |
| Giảm các khoản phải thu                        | 09        |                | 188,127,130,352          | 87,490,973,576          |
| (Tăng) / Giảm hàng tồn kho                     | 10        |                | (1,339,751,326)          | 130,273,444             |
| (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi        | 11        |                | (18,015,424,051)         | (8,049,658,087)         |
| vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp       |           |                |                          |                         |
| phải nộp)                                      |           |                |                          |                         |
| (Tăng) / Giảm chi phí trả trước                | 12        |                | (752,995,752)            | 421,392,907             |
| Tiền lãi vay đã trả                            | 14        |                | (5,536,724,951)          | (6,209,076,765)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp              | 15        |                | -                        | -                       |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh          | 17        |                | (27,000,000)             | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>      | <b>20</b> |                | <b>185,859,524,096</b>   | <b>64,416,363,239</b>   |
| <b>kinh doanh</b>                              |           |                |                          |                         |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>     |           |                |                          |                         |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ             | 21        |                | (39,559,120,027)         | (182,844,000)           |
| và các tài sản dài hạn khác                    |           |                |                          |                         |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và          | 22        |                | -                        | -                       |
| các tài sản dài hạn khác                       |           |                |                          |                         |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ           | 23        |                | (29,550,000,000)         | (14,260,193,421)        |
| của đơn vị khác                                |           |                |                          |                         |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công         | 24        |                | 33,050,000,000           | 10,713,741,354          |
| cụ nợ của đơn vị khác                          |           |                |                          |                         |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác        | 25        |                | (322,350,400,000)        | (149,170,000,000)       |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị         | 26        |                | 61,350,000,000           | 109,522,750,000         |
| khác                                           |           |                |                          |                         |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận          | 27        |                | 1,200,865,252            | 254,176,274             |
| được chia                                      |           |                |                          |                         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu</b>  | <b>30</b> |                | <b>(295,858,654,775)</b> | <b>(43,122,369,793)</b> |
| <b>tư</b>                                      |           |                |                          |                         |

Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025

| Chỉ tiêu                                            | Mã        | Thuyết<br>số minh | Năm 2024<br>VND        | Năm 2023<br>VND         |
|-----------------------------------------------------|-----------|-------------------|------------------------|-------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>       |           |                   |                        |                         |
| Tiền thu từ đi vay                                  | 33        |                   | 323,796,983,313        | 199,052,962,093         |
| Tiền trả nợ gốc vay                                 | 34        |                   | (209,351,206,551)      | (220,765,547,263)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b> | <b>40</b> |                   | <b>114,445,776,762</b> | <b>(21,712,585,170)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>              | <b>50</b> |                   | <b>4,446,646,083</b>   | <b>(418,591,724)</b>    |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                    | 60        | 4                 | 192,431,713            | 611,023,437             |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                   | 70        | 4                 | 4,639,077,796          | 192,431,713             |

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Tô Thị Minh

Trần Thị Diệu

Nguyễn Quang Huân

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001. Công ty được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 26/12/2024.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 31/03/2025 là 767.650.320.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) chia thành 76.765.032 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: HID.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2025 là 38 người (tại ngày 01/04/2024 là 33 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35 KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua bán thương mại thép cây, thép hình và ống inox các loại;
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát môi trường xã hội và tư vấn kỹ thuật có liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 31/03/2025, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

| Tên công ty con trực tiếp                                         | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính               | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ                         | Cần Giấy, Hà Nội      | Xây dựng                                 | 96,88%        | 96,88%                 |
| Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung                             | Quy Nhơn, Bình Định   | Sản xuất điện                            | 51,00%        | 51,00%                 |
| Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành                                  | Thuận Thành, Bắc Ninh | Khai thác, xử lý và cung cấp nước        | 93,61%        | 93,61%                 |
| Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình (1)                  | Đồng Hới, Quảng Bình  | Sản xuất điện                            | 96,15%        | 96,15%                 |
| Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang (2)              | Phụng Hiệp, Hậu Giang | Sản xuất điện                            | 0,00%         | 98,00%                 |
| Công ty TNHH đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc (3) | Long Biên, Hà Nội     | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại | 100%          | 100%                   |

(1) Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021 với số vốn điều lệ 130 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam góp 96,15%, ông Vũ Mạnh Tuấn góp 3,08% và ông Hoàng Quốc Anh góp 0,77% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 20-2021/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 13/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 96,15% vốn điều lệ tương ứng 125 tỷ đồng để thành lập Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình.

Theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 26/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam về việc giảm vốn tại Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình, vốn góp của Halcom sau khi giảm là 96,15% tương đương với 6.625.000 cổ phần. Tại thời điểm 31/03/2025, các cổ đông đã thực hiện góp đầy đủ vốn theo cam kết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- (2) Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021 với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam góp 98%, ông Nguyễn Việt Dũng góp 1% và ông Phùng Ngọc Sơn góp 1% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 24-2021/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 30/8/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 98% vốn điều lệ tương ứng 98 tỷ đồng để thành lập Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/03/2025, chưa có cổ đông nào thực hiện góp vốn.
- (3) Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ năm tại ngày 10/01/2025 với số vốn điều lệ 66,8 tỷ đồng. Tại ngày 31/3/2025, tổng số vốn Halcom đã góp vào công ty là 195.350.400.000 đồng.

**Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:**

| Tên công ty liên kết                   | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính        | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|----------------------------------------|----------------------|-----------------------------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội | Phù Cát, Bình Định   | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 39,42%        | 39,42%                 |

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm liên quan tới các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết:**

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch bán thành công 60.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần VSED. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Nước VSED giảm từ 60,00% xuống 0,00% kể từ ngày 07/03/2025.

Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ môi trường Miền Bắc. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ môi trường Miền Bắc là 100%.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính riêng giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/03/2024 đã được lập bởi Công ty chúng tôi.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025.

### 2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

#### 3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

#### 3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm. Bao gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thực hiện dự án, chi phí hạ tầng dự án, ... của các phần dự án chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| <i>Loại tài sản</i>               | <i>Thời gian sử dụng (năm)</i> |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| - Máy móc, thiết bị               | 06 năm                         |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm                    |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 04 năm                    |

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các dự án xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.10 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí nhân công được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, bảng dự toán chi phí.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Các khoản chi phí khác được trích trước dựa trên Hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các chứng từ khác có liên quan.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

### 3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

### 3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông/thành viên góp vốn được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

### 3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ tư vấn,...

#### Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng; và

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 3.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### 3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

### 3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.20 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong kỳ kế toán được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                   | 31/03/2025           | 01/04/2024         |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------|
|                                   | VND                  | VND                |
| - Tiền mặt                        | -                    | 19,234,058         |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4,639,077,796        | 173,197,655        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>4,639,077,796</b> | <b>192,431,713</b> |

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

|                                                                       | 31/03/2025      |                  |                       | 01/04/2024      |                  |                    |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|-----------------------|-----------------|------------------|--------------------|
|                                                                       | Giá gốc<br>VND  | Dự phòng<br>VND  | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND  | Dự phòng<br>VND  | Giá trị hợp<br>VND |
| - Đầu tư vào công ty con                                              | 750.584.357.547 | (29.219.288.375) |                       | 489.583.957.547 | (21.311.060.917) |                    |
| + Công ty Cổ phần phát triển Đô thị<br>Cần Thơ                        | 186.000.000.000 | -                | (*)                   | 186.000.000.000 | -                | (*)                |
| + Công ty Cổ phần Phong Điện<br>Miền Trung                            | 150.100.750.000 | (29.219.288.375) | (*)                   | 150.100.750.000 | (21.311.060.917) | (*)                |
| + Công ty Cổ phần VSED                                                | -               | -                | (*)                   | 600.000.000     | -                | (*)                |
| + Công ty Cổ phần Nước Thuận<br>Thành                                 | 152.883.207.547 | -                | (*)                   | 152.883.207.547 | -                | (*)                |
| + Công ty Cổ phần Điện gió Halcom<br>- Quảng Bình                     | 66.250.000.000  | -                | (*)                   | -               | -                | (*)                |
| + Công ty TNHH Đầu tư và ứng<br>dụng công nghệ môi trường miền<br>Bắc | 195.350.400.000 | -                | (*)                   | -               | -                | (*)                |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh,<br>liên kết                          | 41.000.000.000  | -                |                       | 41.000.000.000  | -                |                    |
| + Công ty Cổ phần Nước Halcom -<br>Nhơn Hội                           | 41.000.000.000  | -                | (*)                   | 41.000.000.000  | -                | (*)                |
| Cộng                                                                  | 791.584.357.547 | (29.219.288.375) |                       | 530.583.957.547 | (21.311.060.917) |                    |

(\*) Tại ngày 31/03/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Tóm tắt tình hình các Công ty con:

| Tên Công ty                                        | Nơi thành lập<br>và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền<br>biểu quyết | Hoạt động kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----------------------------------------------------|-------------------------------|---------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần phát<br>triển Đô thị Cần Thơ       | Ninh Kiều,<br>Cần Thơ         | 96,88%        | 96,88%                    | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế<br>hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày<br>06/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/01/2024. Vốn điều<br>lệ 192 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng. Hiện nay,<br>Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào<br>hoạt động sản xuất kinh doanh. |
| Công ty Cổ phần Phong<br>Điện Miền Trung           | Quy Nhơn,<br>Bình Định        | 51,00%        | 51,00%                    | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế<br>hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007,<br>đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/11/2023. Vốn điều lệ 294,3 tỷ<br>đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.                                                                                                            |
| Công ty Cổ phần Nước<br>Thuận Thành                | Thuận Thành,<br>Bắc Ninh      | 93,61%        | 93,61%                    | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế<br>hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng<br>ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29/03/2019. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng.<br>Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.                                                                                           |
| Công ty Cổ phần Điện<br>gió Halcom - Quảng<br>Bình | Đồng Hới,<br>Quảng Bình       | 96,15%        | 96,15%                    | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế<br>hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021,<br>đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14/04/2025, Vốn điều lệ 68,9<br>tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện. Hiện nay<br>Công ty đang trong giai đoạn xúc tiến đầu tư dự án.                                          |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

|                                                               |                   |         |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc | Long Biên, Hà Nội | 100,00% | 100,00% | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, cấp lần 5 ngày 10/01/2025 với số vốn điều lệ 66,8 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Đến ngày 31/03/2025, Công ty Cổ phần Halcom đã góp tổng số vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc là 195.350.400.000 đồng. |
|---------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Tóm tắt tình hình Công ty liên kết:

| Tên Công ty                            | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------|----------------------------|---------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhom Hội | Phù Cát, Bình Định         | 39,42%        | 39,42%                 | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101521292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/07/2021. Vốn điều lệ 104 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: khai thác, xử lý và cung cấp nước. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|                                                                                   | 31/03/2025     |                 | 01/04/2024      |                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                                                                                   | Giá trị<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND  | Dự phòng<br>VND |
| - Ông Nguyễn Việt Nam                                                             | -              | -               | 52,480,000,000  | -               |
| - Ông Vũ Mạnh Tuấn                                                                | 3,671,300,000  | -               | 28,685,000,000  | -               |
| - Công ty TNHH Đào tạo và Tư vấn DDP Group                                        | -              | -               | 4,860,000,000   | -               |
| - Công ty Cổ phần DTCCOM                                                          | -              | -               | 9,770,883,047   | -               |
| - Công ty TNHH Tài chính Thịnh Vượng                                              | -              | -               | 7,419,600,000   | -               |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ                                     | 324,379,674    | -               | 8,277,325,280   | -               |
| - BQLDA thực hiện DA hợp phần phát triển toàn diện kinh tế xã hội đô thị Hưng Yên | 1,266,967,986  | -               | 1,266,967,986   | -               |
| - Công ty Cổ phần Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị Hồng Hà                   | -              | -               | 6,088,029,085   | -               |
| - Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Hùng Dũng                         | -              | -               | 1,072,014,146   | -               |
| - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Diện                                  | 1,438,143,860  | -               | 4,119,044,453   | -               |
| - Công ty TNHH thương mại và xây lắp Phoenix                                      | -              | -               | -               | -               |
| - Công ty TNHH thương mại tiếp vận Hải Hà                                         | 3,544,774,693  | -               | -               | -               |
| - Công ty Cổ phần - TT phân tích và môi trường                                    | 3,240,000,000  | -               | -               | -               |
| - Công ty Cổ phần thương mại và môi trường Việt Nam                               | 2,775,645,609  | -               | -               | -               |
| - Các đối tượng khác                                                              | 6,294,638,854  | (336,383,890)   | 5,574,398,301   | (336,383,890)   |
| Cộng                                                                              | 22,555,850,676 | (336,383,890)   | 129,613,262,298 | (336,383,890)   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                 | 31/03/2025     |                 | 01/04/2024      |                 |
|-------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                                                 | Giá trị<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND  | Dự phòng<br>VND |
| a) Ngắn hạn                                     | 44,909,043,942 | -               | 128,540,619,768 | -               |
| - Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Tân Thành An  | -              | -               | 114,894,351,257 | -               |
| - Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh             | 7,792,486,786  | -               | -               | -               |
| - Công ty Cổ phần Gia Tuấn Hưng Yên             | -              | -               | 13,000,000,000  | -               |
| - TCT đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP | 34,865,370,363 | -               | -               | -               |
| - BQL dự án và giải phóng mặt bằng khu kinh tế  | 1,100,000,000  | -               | -               | -               |
| - Các đối tượng khác                            | 1,151,186,793  | -               | 646,268,511     | -               |
| Cộng                                            | 44,909,043,942 | -               | 128,540,619,768 | -               |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU KHÁC

|                                             | 31/03/2025     |                 | 01/04/2024     |                 |
|---------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                                             | Giá trị<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| a) Ngắn hạn                                 | 40,330,378,527 | -               | 996,406,428    | -               |
| - Ký cược, ký quỹ                           | 18,000,000     | -               | 18,000,000     | -               |
| - Tạm ứng                                   | 266,309,934    | -               | 626,668,110    | -               |
| - Phải thu khác                             | 40,046,068,593 | -               | 351,738,318    | -               |
| + Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ | -              | -               | -              | -               |
| + Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung     | -              | -               | -              | -               |
| + Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành          | 37,924,255     | -               | -              | -               |
| + Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (1)            | 40,000,000,000 | -               | -              | -               |
| + Các đối tượng khác                        | 8,144,338      | -               | 351,738,318    | -               |
| b) Dài hạn                                  | 364,401,000    | -               | 40,364,401,000 | -               |
| - Ký cược, ký quỹ                           | 364,401,000    | -               | 364,401,000    | -               |
| - Phải thu khác                             | -              | -               | 40,000,000,000 | -               |
| + Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (1)            | -              | -               | 40,000,000,000 | -               |
| Cộng                                        | 40,694,779,527 | -               | 41,360,807,428 | -               |

- (1) Khoản phải thu Công ty Cổ phần An Lạc Sơn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019:
- Tên dự án và địa điểm xây dựng: Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại thôn Tân Long, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.
  - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam
  - Tổng mức đầu tư: 200 tỷ đồng (Vốn tự có; 30 tỷ đồng, vốn huy động khác 170 tỷ đồng)
  - Bên được ủy quyền hợp tác đầu tư: Công ty Cổ phần An Lạc Sơn
  - Diện tích đất sử dụng: 4.020 m2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

- Thời gian hợp tác kinh doanh: 20 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng hoặc đến khi hai bên có thỏa thuận khác.

Theo công văn số 3801/STNMT-QLDD ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về việc báo cáo kết quả xác minh diện tích đất chồng lấn giữa Công ty Halcom và Vườn quốc gia Tam Đảo, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai tính đến ngày 20 tháng 10 năm 2060. Sau khi nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo văn bản số 1657/SKHĐT-KTĐN ngày 08/08/2024 về triển khai Dự án Đầu tư xây dựng trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động của Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Thăng Long nay là Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, UBND tỉnh đã gửi công văn số 6150/UBND-NN5 ngày 19/08/2024 phúc đáp đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên ngành làm việc về việc đổi tên nhà đầu tư. Tới thời điểm 31/03/2025, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam vẫn đang phối hợp với các cơ quan liên ngành để giải trình công văn phúc đáp của UBND tỉnh. Đồng thời, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

Sau khi hoàn thành các yêu cầu này, Công ty sẽ được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

9. HÀNG TỒN KHO

|                                                                                                      | 31/03/2025     |                 | 01/04/2024     |                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                                                                                                      | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| - Hàng hóa                                                                                           | -              | -               | -              | -               |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang                                                                | 4,561,775,678  | -               | 3,222,024,352  | -               |
| + Gói khảo sát KTXH, cam kết đầu nối nước thái Hà Đông,<br>Sơn Tây-HD số 12/TV/HD-ST Ngày 26.12.2011 | 1,003,332,851  | -               | 1,003,332,851  | -               |
| + M&A Thủy điện Tân Lập                                                                              | 425,268,608    | -               | -              | -               |
| + TVGS_Phát triển thành phố Xanh loại II - Gói thầu số 21<br>Tin dụng No.3590-VIE, HD số HU-CS01     | 1,382,664,953  | -               | 970,567,049    | -               |
| + Các hợp đồng khác                                                                                  | 1,750,509,266  | -               | 1,248,124,452  | -               |
| Cộng                                                                                                 | 4,561,775,678  | -               | 3,222,024,352  | -               |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

|                                                                     | 31/03/2025            | 01/04/2024            |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                     | VND                   | VND                   |
| - DA đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (1)     | 87,162,278,200        | 33,704,542,568        |
| - Dự án Phương Mai 3 - Resort                                       | 6,597,490,470         | 6,597,490,470         |
| - Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1 (2) | 876,209,567           | 862,071,947           |
| - Các dự án khác                                                    | 2,738,155,698         | 1,709,368,306         |
| <b>Cộng</b>                                                         | <b>97,374,133,935</b> | <b>42,873,473,291</b> |

(1) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội, mục tiêu: đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống cấp nước ngọt với tổng công suất 50.000 m3/ngày đêm, được xây dựng theo 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (Quý 4/2019- Quý 4/2024): công suất 10.000m3/ngày đêm, Giai đoạn 2 (Năm 2025- Năm 2026): nâng công suất nhà máy thành 20.000m3/ngày đêm, Giai đoạn 3 (Năm 2027-Năm 2030): nâng công suất nhà máy thành 50.000m3/ngày đêm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

(2) Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1: công suất 200 MWh, thuộc xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình. Năm 2019, UBND tỉnh Quảng Bình cấp chủ trương cho Halcom khảo sát tiềm năng điện gió gần bờ tại Quảng Bình theo văn bản số 3525/VPUBND-KT của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 26 tháng 9 năm 2019. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến là 5.500 tỷ đồng.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                                      | 31/03/2025           | 01/04/2024         |
|------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|
|                                                      | VND                  | VND                |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                   | <b>572,273,817</b>   | <b>195,181,925</b> |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ  |                      | 22,435,000         |
| - Chi phí mua bảo hiểm                               | 237,563,496          | 70,299,678         |
| - Chi phí thuê GCN quyền sử dụng đất, thuê văn phòng | 206,541,866          | 90,060,000         |
| - Chi phí trả trước khác ngắn hạn                    | 128,168,455          | 12,387,247         |
| <b>b) Dài hạn</b>                                    | <b>622,627,625</b>   | <b>246,723,765</b> |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ  |                      | 1,172,727          |
| - Chi phí đào tạo                                    | 526,222,224          | 186,737,413        |
| - Công cụ dụng cụ phân bổ                            | 96,405,401           | 58,813,625         |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>1,194,901,442</b> | <b>441,905,690</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                     | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị<br>dung cụ<br>quản lý | Cộng            |
|---------------------|---------------------|---------------------------------------|--------------------------------|-----------------|
|                     | VND                 | VND                                   | VND                            | VND             |
| NGUYÊN GIÁ          |                     |                                       |                                |                 |
| 01/04/2024          | 105,684,416         | 6,182,389,090                         | 32,445,455                     | 6,320,518,961   |
| 31/03/2025          | 105,684,416         | 6,182,389,090                         | 32,445,455                     | 6,320,518,961   |
| HAO MÒN LŨY KẾ      |                     |                                       |                                |                 |
| 01/04/2024          | (105,684,416)       | (3,881,404,226)                       | (25,896,290)                   | (4,012,984,932) |
| - Khấu hao trong kỳ | -                   | (453,147,996)                         | (6,549,165)                    | (459,697,161)   |
| 31/03/2025          | (105,684,416)       | (4,334,552,222)                       | (32,445,455)                   | (4,472,682,093) |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI     |                     |                                       |                                |                 |
| 01/04/2024          | -                   | 2,300,984,864                         | 6,549,165                      | 2,307,534,029   |
| 31/03/2025          | -                   | 1,847,836,868                         | -                              | 1,847,836,868   |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/03/2025 là 1.789.038.961 đồng (tại ngày 01/04/2024 là 1.756.693.506 đồng).

Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2025 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 1.847.836.868 đồng (tại ngày 01/04/2024 là 2.300.984.864 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

|                                                           | 31/03/2025    |                           | 01/04/2024    |                           |
|-----------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|---------------|---------------------------|
|                                                           | Giá trị       |                           | Giá trị       |                           |
|                                                           | VND           | Số có khả năng trả nợ VND | VND           | Số có khả năng trả nợ VND |
| - Công ty Cổ phần Cơ khí và Công nghiệp Áng Dương         | 268,206,202   | 268,206,202               | 4,116,390,877 | 4,116,390,877             |
| - Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Minh Anh                | 1,510,961,910 | 1,510,961,910             | -             | -                         |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Phát triển Hùng Dũng | 54,514,096    | -                         | 409,994,476   | 409,994,476               |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái           | 1,798,335,000 | 54,514,096                | 54,514,096    | 54,514,096                |
| - Công ty TNHH thể thao và giải trí Thiên Mã              | 639,905,977   | 1,798,335,000             | 1,077,449,625 | 1,077,449,625             |
| - Các đối tượng khác                                      |               | 639,905,977               |               |                           |
| Cộng                                                      | 4,271,923,185 | 4,271,923,185             | 5,658,349,074 | 5,658,349,074             |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

|                                                                                                    | 31/03/2025    |                           | 01/04/2024    |                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|---------------|---------------------------|
|                                                                                                    | Giá trị       |                           | Giá trị       |                           |
|                                                                                                    | VND           | Số có khả năng trả nợ VND | VND           | Số có khả năng trả nợ VND |
| a) Ngắn hạn                                                                                        | 1,565,055,859 | 1,565,055,859             | 2,017,109,421 | 2,017,109,421             |
| - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội | 827,879,000   | 827,879,000               | 827,879,000   | 827,879,000               |
| - Ban Quản lý dự án Phát triển tổng hợp các Đô thị động lực - Thành phố Hải Dương                  | 192,810,787   | 192,810,787               | 392,749,422   | 392,749,422               |
| - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng chương trình phát triển các đô thị loại II                     | -             | -                         | 347,246,927   | 347,246,927               |
| - Bộ Nông Lâm nghiệp Lào                                                                           | 287,627,192   | 287,627,192               | 287,627,192   | 287,627,192               |
| - Công ty CP đầu tư môi trường đô thị AI                                                           | 200,000,000   | 200,000,000               | -             | -                         |
| - Công ty CP thương mại Xuất nhập khẩu Vạn Sơn                                                     | -             | -                         | -             | -                         |
| - Các đối tượng khác                                                                               | 56,738,880    | 56,738,880                | 161,606,880   | 161,606,880               |
| Cộng                                                                                               | 1,565,055,859 | 1,565,055,859             | 2,017,109,421 | 2,017,109,421             |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

|                                          | 01/04/2024           | Số phải nộp<br>trong kỳ | Số đã thực nộp<br>trong kỳ | 31/03/2025           |
|------------------------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------------|----------------------|
|                                          | VND                  | VND                     | VND                        | VND                  |
| <b>Thuế và các khoản phải nộp</b>        |                      |                         |                            |                      |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp         | 3,400,912,522        | 538,425,774             | 861,830,951                | 3,077,507,345        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp             |                      | 1,159,888,630           | -                          | 1,159,888,630        |
| - Thuế thu nhập cá nhân                  | 741,366,966          | 1,715,655,427           | 2,242,190,088              | 214,832,305          |
| - Các loại thuế khác                     | 11,856,082           | 4,166,057               | 270,720                    | 15,751,419           |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                    | 105,578,908             | 105,578,908                | -                    |
|                                          | <b>4,154,135,570</b> | <b>3,523,714,796</b>    | <b>3,209,870,667</b>       | <b>4,467,979,699</b> |
|                                          |                      |                         |                            |                      |
|                                          |                      |                         |                            |                      |
| <b>Thuế và các khoản phải thu</b>        |                      |                         |                            |                      |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 316,799,495          | -                       | 316,799,495                | -                    |
|                                          | <b>316,799,495</b>   | <b>-</b>                | <b>316,799,495</b>         | <b>-</b>             |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

| Nội dung                                                                         | 31/03/2025      |                       |                 | Trong năm       |                | 01/04/2024     |                       |                |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------|----------------|----------------|-----------------------|----------------|
|                                                                                  | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ |                 | Tăng            | Giảm           | Giá trị        | Số có khả năng trả nợ |                |
|                                                                                  |                 | VND                   | VND             |                 |                |                | VND                   | VND            |
| a) Vay ngắn hạn                                                                  | 99,427,082,893  | 99,427,082,893        | 225,379,402,331 | 186,325,018,559 | 60,372,699,121 | 60,372,699,121 | 60,372,699,121        | 60,372,699,121 |
| - Vay ngắn hạn                                                                   | 96,427,082,893  | 96,427,082,893        | 225,379,402,331 | 186,325,018,559 | 57,372,699,121 | 57,372,699,121 | 57,372,699,121        | 57,372,699,121 |
| + Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Cầu Giấy (1)                         | 47,426,755,205  | 47,426,755,205        | 128,032,856,082 | 130,978,799,998 | 50,372,699,121 | 50,372,699,121 | 50,372,699,121        | 50,372,699,121 |
| + Bà Nguyễn Hoàng Ánh (2)                                                        | 1,000,000,000   | 1,000,000,000         | -               | -               | -              | 1,000,000,000  | 1,000,000,000         | 1,000,000,000  |
| + Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC                                                   | -               | -                     | -               | 3,100,000,000   | 3,100,000,000  | 3,100,000,000  | 3,100,000,000         | 3,100,000,000  |
| + Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung                                          | -               | -                     | 23,300,000,000  | 25,400,000,000  | 2,100,000,000  | 2,100,000,000  | 2,100,000,000         | 2,100,000,000  |
| + Ông Võ Trục Điền (3)                                                           | 500,000,000     | 500,000,000           | -               | 300,000,000     | 800,000,000    | 800,000,000    | 800,000,000           | 800,000,000    |
| + Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (5) | -               | -                     | 98,783,408      | 98,783,408      | -              | -              | -                     | -              |
| + Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ (6)                   | 47,500,327,688  | 47,500,327,688        | 73,947,762,841  | 26,447,435,153  | -              | -              | -                     | -              |
| - Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)                                  | 3,000,000,000   | 3,000,000,000         | -               | -               | 3,000,000,000  | 3,000,000,000  | 3,000,000,000         | 3,000,000,000  |
| + Bà Nguyễn Kiều Linh (4)                                                        | 3,000,000,000   | 3,000,000,000         | -               | -               | 3,000,000,000  | 3,000,000,000  | 3,000,000,000         | 3,000,000,000  |
| b) Vay dài hạn                                                                   | 75,391,392,990  | 75,391,392,990        | 98,516,364,390  | 23,124,971,400  | -              | -              | -                     | -              |
| + Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (5) | 75,391,392,990  | 75,391,392,990        | 98,516,364,390  | 23,124,971,400  | -              | -              | -                     | -              |
| Cộng                                                                             | 174,818,475,883 | 174,818,475,883       | 323,895,766,721 | 209,449,989,959 | 60,372,699,121 | 60,372,699,121 | 60,372,699,121        | 60,372,699,121 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/135099/HĐTD ngày 14/11/2024, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 63.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ của Công ty tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng cụ thể và Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/135099/HĐTD ngày 20/09/2023. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (2) Hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 với bà Nguyễn Hoàng Anh, tổng số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất 10%/năm từ 16/12/2020 - 19/03/2023; phụ lục hợp đồng vay số 03 điều chỉnh lãi suất lên 13%/năm từ 20/03/2023 - 15/12/2023. Phụ lục hợp đồng số 04 gia hạn khoản vay đến 15/12/2024 và điều chỉnh lãi suất xuống 10%/năm từ 16/12/2023 - 15/12/2024. Phụ lục hợp đồng mới nhất số 05 gia hạn khoản vay đến 15/12/2025.
- (3) Hợp đồng vay Ông Võ Trục Điền số 0612/2021/HĐVT ngày 06/12/2021 với số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay đến 06/12/2025. Tại 31/03/2025, khoản gốc vay còn phải trả là 500.000.000 VND.
- (4) Hợp đồng vay số 83/HĐVT ngày 08/03/2022 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 13,5%/năm, phụ lục hợp đồng gia hạn thời hạn vay đến 07/03/2026.
- (5) Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2024-HĐCVDABT/NHCT142-HALCOM ngày 06/08/2024, hạn mức tín dụng là 184.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 132 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định vào ngày giải ngân khoản Nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Trong đó:
- Giới hạn cho vay ngắn hạn là 20.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty,
  - Giới hạn cho vay dài hạn là 164.000.000.000 VND với mục đích tài trợ Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội - Giai đoạn 1.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 258815.24.004.708626.TD ngày 04/12/2024, hạn mức tín dụng là 85.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày 04/12/2024 đến ngày 11/11/2025. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                    | 31/03/2025         | 01/04/2024         |
|--------------------|--------------------|--------------------|
|                    | VND                | VND                |
| - Chi phí lãi vay  | 35,526,316         | 114,594,809        |
| - Các chi phí khác | 745,449,649        | 745,449,649        |
| <b>Cộng</b>        | <b>780,975,965</b> | <b>860,044,458</b> |

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                     | 31/03/2025         | 01/04/2024         |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                     | VND                | VND                |
| - Kinh phí công đoàn                | 79,223,791         | 100,299,589        |
| - Các khoản chi phí bảo hiểm        | 115,098,800        | 296,401,131        |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 448,507,633        | 133,960,724        |
| + Các khoản phải trả khác           | 448,507,633        | 133,960,724        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>642,830,224</b> | <b>530,661,444</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Khoản mục                            | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |  | Thặng dư vốn cổ phần |  | Cổ phiếu quỹ |  | Quỹ đầu tư phát triển |  | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |  | Tổng cộng       |
|--------------------------------------|---------------------------|--|----------------------|--|--------------|--|-----------------------|--|-----------------------------------|--|-----------------|
|                                      | VND                       |  | VND                  |  | VND          |  | VND                   |  | VND                               |  |                 |
| 01/04/2023                           | 767,650,320,000           |  | 536,587,297          |  | (58,859,397) |  | 2,040,795,104         |  | 13,407,505,954                    |  | 783,576,348,958 |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | -                         |  | -                    |  | -            |  | -                     |  | (2,000,000,000)                   |  | -               |
| - Lãi trong năm trước                | -                         |  | -                    |  | -            |  | -                     |  | 2,260,581,449                     |  | 2,260,581,449   |
| 31/03/2024                           | 767,650,320,000           |  | 536,587,297          |  | (58,859,397) |  | 2,040,795,104         |  | 13,668,087,403                    |  | 783,836,930,407 |
| 01/04/2024                           | 767,650,320,000           |  | 536,587,297          |  | (58,859,397) |  | 2,040,795,104         |  | 13,668,087,403                    |  | 783,836,930,407 |
| - Lãi trong kỳ này                   | -                         |  | -                    |  | -            |  | -                     |  | 6,946,941,186                     |  | 6,946,941,186   |
| - Tăng khác                          | -                         |  | -                    |  | -            |  | -                     |  | -                                 |  | -               |
| - Giảm khác                          | -                         |  | -                    |  | -            |  | -                     |  | (510,000,000)                     |  | (510,000,000)   |
| 31/03/2025                           | 767,650,320,000           |  | 536,587,297          |  | (58,859,397) |  | 2,040,795,104         |  | 20,105,028,589                    |  | 790,273,871,593 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

|                         | 31/03/2025             | 01/04/2024             |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
|                         | VND                    | VND                    |
| + Ông Nguyễn Quang Huân | 204,648,720,000        | 204,648,720,000        |
| + Bà Bùi Thị Xuyên      | 40,000,000,000         | 40,000,000,000         |
| + Bà Trần Bắc Mỹ        | 40,000,000,000         | 40,000,000,000         |
| + Bà Vũ Thị Bích Liên   | 40,000,000,000         | 40,000,000,000         |
| + Các cổ đông khác      | 443,001,600,000        | 443,001,600,000        |
| <b>Cộng</b>             | <b>767,650,320,000</b> | <b>767,650,320,000</b> |

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

|                             | Từ 01/04/2024<br>đến 31/03/2025 | Từ 01/04/2023<br>đến 31/03/2024 |
|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                             | VND                             | VND                             |
| + Vốn góp đầu kỳ            | 767,650,320,000                 | 767,650,320,000                 |
| + Vốn góp tăng trong kỳ     | -                               | -                               |
| + Vốn góp cuối kỳ           | 767,650,320,000                 | 767,650,320,000                 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | -                               | -                               |

**19.4 CỔ PHIẾU**

|                                         | 31/03/2025    | 01/04/2024    |
|-----------------------------------------|---------------|---------------|
|                                         | CP            | CP            |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng  | 76,765,032    | 76,765,032    |
| + Cổ phiếu phổ thông                    | 76,765,032    | 76,765,032    |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại          | 8,711         | 8,711         |
| + Cổ phiếu phổ thông                    | 8,711         | 8,711         |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành         | 76,756,321    | 76,756,321    |
| + Cổ phiếu phổ thông                    | 76,756,321    | 76,756,321    |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i> | <i>10,000</i> | <i>10,000</i> |

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                              | Từ 01/04/2024<br>đến 31/03/2025 | Từ 01/04/2023<br>đến 31/03/2024 |
|------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                              | VND                             | VND                             |
| - Doanh thu bán hàng         | 205,646,927,899                 | 175,788,543,657                 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 37,820,777,671                  | 28,785,415,903                  |
| <b>Cộng</b>                  | <b>243,467,705,570</b>          | <b>204,573,959,560</b>          |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                      | <b>Từ 01/04/2024<br/>đến 31/03/2025</b> | <b>Từ 01/04/2023<br/>đến 31/03/2024</b> |
|--------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                      | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>                              |
| - Giá vốn hàng hóa đã bán            | 198,430,002,522                         | 171,848,987,193                         |
| - Giá vốn doanh thu cung cấp dịch vụ | 10,818,304,766                          | 13,840,257,992                          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>209,248,307,288</b>                  | <b>185,689,245,185</b>                  |

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                                                                                       | <b>Từ 01/04/2024<br/>đến 31/03/2025</b> | <b>Từ 01/04/2023<br/>đến 31/03/2024</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                                                                                       | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>                              |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay                                                                          | 1,200,865,252                           | 254,176,274                             |
| - Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện mặt trời VKT Hòa An                                   | -                                       | 14,498,497,267                          |
| - Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hal Invest                                                 |                                         | 9,720,000,000                           |
| - Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội.                                    |                                         | 11,480,000,000                          |
| - Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần DTCCOM và công ty CP Đầu tư và Phát triển quốc tế Huy Phúc |                                         | 3,705,000,000                           |
| <b>Cộng</b>                                                                                           | <b>1,200,865,252</b>                    | <b>39,657,673,541</b>                   |

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                                  | <b>Từ 01/04/2024<br/>đến 31/03/2025</b> | <b>Từ 01/04/2023<br/>đến 31/03/2024</b> |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                                  | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>                              |
| - Chi phí lãi vay                                | 5,536,724,951                           | 6,254,526,187                           |
| - Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con | 7,908,227,458                           | 21,311,060,917                          |
| - Chi phí tài chính khác                         | 1,901,247,202                           | 1,401,171,667                           |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>15,346,199,611</b>                   | <b>28,966,758,771</b>                   |

**24. THU NHẬP KHÁC**

|                                              | <b>Từ 01/04/2024<br/>đến 31/03/2025</b> | <b>Từ 01/04/2023<br/>đến 31/03/2024</b> |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                              | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>                              |
| - Thu nhập từ tháo dỡ và thanh lý cột đo gió | -                                       | 47,345,455                              |
| - Các khoản khác                             | 2,612                                   | 9,579,473                               |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>2,612</b>                            | <b>56,924,928</b>                       |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**25. CHI PHÍ KHÁC**

|                                                                   | Từ 01/04/2024<br>đến 31/03/2025<br>VND | Từ 01/04/2023<br>đến 31/03/2024<br>VND |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| - Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý<br>nhượng bán cột đo gió |                                        | 2,732,090,909                          |
| - Tiềm chậm nộp thuế, bảo hiểm                                    | 106,812,218                            | 54,545,381                             |
| <b>Cộng</b>                                                       | <b>106,812,218</b>                     | <b>2,786,636,290</b>                   |

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|                                                              | Từ 01/04/2024<br>đến 31/03/2025<br>VND | Từ 01/04/2023<br>đến 31/03/2024<br>VND |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                     | <b>8,423,629,311</b>                   | <b>2,260,581,449</b>                   |
| <b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>                 | <b>738,021,184</b>                     | <b>2,916,283,633</b>                   |
| - Chi phí không được trừ khi tính thuế                       | 738,021,184                            | 2,916,283,633                          |
| <b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>                     | <b>9,161,650,495</b>                   | <b>5,176,865,082</b>                   |
| <b>Chuyển lỗ</b>                                             | <b>(1,778,209,870)</b>                 | <b>(5,176,865,082)</b>                 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành               | 20%                                    | 20%                                    |
| <b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>                           | <b>1,476,688,125</b>                   | <b>-</b>                               |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh<br/>nghiệp hiện hành</b> | <b>1,476,688,125</b>                   | <b>-</b>                               |

Công ty được phép chuyển toàn bộ và liên tục các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong với chi tiết như sau:

| Năm<br>phát<br>sinh | Có thể<br>chuyển lỗ<br>đến năm | Lỗ tính thuế    | Đã chuyển lỗ đến<br>31/03/2025 | Lỗ chưa kết chuyển<br>tại 31/03/2025 |
|---------------------|--------------------------------|-----------------|--------------------------------|--------------------------------------|
|                     |                                | VND             | VND                            | VND                                  |
| 2022                | 2027                           | (6,955,074,952) | 6,955,074,952                  | -                                    |
|                     |                                | <b>Tổng</b>     | <b>6,955,074,952</b>           |                                      |

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**28.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan cá nhân**

Trong giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

**Danh sách các bên liên quan tổ chức**

| <b>Tên tổ chức</b>                                            | <b>Mối quan hệ</b> |
|---------------------------------------------------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ                     | Công ty con        |
| Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung                         | Công ty con        |
| Công ty Cổ phần VSED                                          | Công ty con        |
| Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành                              | Công ty con        |
| Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình                  | Công ty con        |
| Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang              | Công ty con        |
| Công ty TNHH đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc | Công ty con        |
| Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội                        | Công ty liên kết   |

**28.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

|                                                | <b>Từ 01/04/2024<br/>đến 31/03/2025<br/>VND</b> | <b>Từ 01/04/2023<br/>đến 31/03/2024<br/>VND</b> |
|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan</b> |                                                 |                                                 |
| Công ty Cổ phần VSED                           | 2,012,180,555                                   | 281,760,000                                     |
| Bà Vũ Thị Minh Hằng                            | 467,318,732                                     | 249,455,556                                     |
| Ông Nguyễn Tiến Hân                            | 147,430,482                                     | 104,566,668                                     |
| Bà Lê Kim Anh                                  | 1,358,906,907                                   | 1,094,893,704                                   |
|                                                | <b>3,985,836,676</b>                            | <b>1,730,675,928</b>                            |
| <b>Bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan</b> |                                                 |                                                 |
| - Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung        | 555,555,552                                     | 553,030,299                                     |
|                                                | <b>555,555,552</b>                              | <b>553,030,299</b>                              |
| <b>Doanh thu tài chính</b>                     |                                                 |                                                 |
| - Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung        | 166,871,233                                     | 85,150,684                                      |
| - Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành             | 649,878,158                                     | 162,422,587                                     |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ    | 370,807,777                                     |                                                 |
|                                                | <b>1,187,557,168</b>                            | <b>247,573,271</b>                              |
| <b>Chi phí tài chính</b>                       |                                                 |                                                 |
| - Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung        | 143,621,917                                     | 394,479,451                                     |
|                                                | <b>143,621,917</b>                              | <b>394,479,451</b>                              |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người quản lý khác:**

| Họ và tên                                                                                                     | Chức danh         | Từ 01/04/2024<br>đến 31/03/2025 | Từ 01/04/2023<br>đến 31/03/2024 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                                                                                                               |                   | VND                             | VND                             |
| <b>Hội đồng quản trị</b>                                                                                      |                   | <b>2,822,779,437</b>            | <b>3,063,981,582</b>            |
| Ông Nguyễn Quang Huân                                                                                         | Chủ tịch          | 2,590,363,637                   | 2,600,000,000                   |
| Ông Nguyễn Việt Dũng                                                                                          | Phó Chủ tịch      | 136,415,800                     | 367,981,582                     |
| Ông Nguyễn Văn Lâm                                                                                            | Thành viên        | 96,000,000                      | 96,000,000                      |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b>                                                                                      |                   | <b>296,743,949</b>              | -                               |
| Ông Phạm Minh Tuấn                                                                                            | Phó Tổng Giám đốc | 296,743,949                     | -                               |
| <b>Ban kiểm soát</b>                                                                                          |                   | <b>610,737,729</b>              | <b>1,084,621,827</b>            |
| Ông Phan Đăng Hoàn                                                                                            | Trưởng ban        | 262,138,139                     | 550,391,173                     |
| Bà Trần Bắc Mỹ                                                                                                | Thành viên        | 106,421,772                     | 180,430,654                     |
| Ông Nguyễn Trường Giang                                                                                       | Thành viên        | 142,217,818                     | 353,800,000                     |
| Bà Bùi Thị Xuyên                                                                                              | Trưởng ban        | 90,000,000                      | -                               |
| Bà Trần Thị Minh Huệ                                                                                          | Thành viên        | 4,980,000                       | -                               |
| Ông Nguyễn Đức Quyết                                                                                          | Thành viên        | 4,980,000                       | -                               |
| <b>Những người quản lý khác</b>                                                                               |                   | <b>3,541,290,644</b>            | <b>3,536,845,407</b>            |
| - Số người                                                                                                    |                   | 11                              | 11                              |
| - Tiền lương trung bình/người/tháng                                                                           |                   | 39,347,674                      | 34,338,305                      |
| <b>Tổng cộng Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người quản lý khác</b> |                   | <b>7,271,551,759</b>            | <b>7,685,448,816</b>            |

Việt Nam  
M  
43879

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**28.3 SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

|                                                    | <b>31/03/2025</b>  | <b>01/04/2024</b>    |
|----------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
|                                                    | <b>VND</b>         | <b>VND</b>           |
| <b>Phải thu khách hàng</b>                         |                    |                      |
| - Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung            | 150,000,000        | 50,000,000           |
|                                                    | <b>150,000,000</b> | <b>50,000,000</b>    |
| <b>Phải thu khác</b>                               |                    |                      |
| - Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ        | -                  | 30,058,000           |
| - Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành                 | 37,924,255         | 162,275,318          |
| - Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội           | -                  | 21,319,000           |
| - Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình     | -                  | 11,753,000           |
| - Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang | -                  | 11,753,000           |
|                                                    | <b>37,924,255</b>  | <b>237,158,318</b>   |
| <b>Phải thu về cho vay</b>                         |                    |                      |
| - Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành                 | -                  | 3,500,000,000        |
|                                                    | -                  | <b>3,500,000,000</b> |
| <b>Trả trước cho người bán</b>                     |                    |                      |
| - Công ty Cổ phần VSED                             | -                  | 126,080,000          |
|                                                    | -                  | <b>126,080,000</b>   |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>                 |                    |                      |
| - Công ty Cổ phần VSED                             | 25,290,000         |                      |
| - Bà Lê Kim Anh                                    | -                  | 489,555,000          |
|                                                    | <b>25,290,000</b>  | <b>489,555,000</b>   |
| <b>Chi phí phải trả</b>                            |                    |                      |
| - Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung            | -                  | 79,068,493           |
|                                                    | -                  | <b>79,068,493</b>    |
| <b>Phải trả khác</b>                               |                    |                      |
| - Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình     | 250,000,000        | -                    |
|                                                    | <b>250,000,000</b> | -                    |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Tại ngày 01/04/2025, Công ty đã thành lập Công ty con - Công ty TNHH Halcom (Cambodia) tại Campuchia. Công ty TNHH Halcom được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000486108 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp. Địa chỉ trụ sở tại thành phố Phnom Penh. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Halcom.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

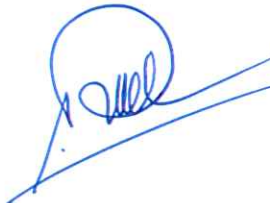
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam đã được kiểm toán. Số liệu của các chỉ tiêu Quý 4 năm tài chính 2023 trên Báo cáo này là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm tài chính 2023 đã được lập bởi Công ty chúng tôi.

Người lập biểu



**Tô Thị Minh**

Kế toán trưởng



**Trần Thị Diệu**

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

Chủ tịch HĐQT 



**Nguyễn Quang Huân**

